



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính riêng

giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/05/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/02/2023.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/12/2006 với mã chứng khoán là EBS.

Vốn điều lệ: 102.194.840.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2023: 102.194.840.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 26%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Nhà D tầng 2 khu VP Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0243.7925308
Fax: (84) 0243.7925309
- Website: www.sachgiaoduchanoi.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 30/06/2023 là 39 người, trong đó, cán bộ quản lý là 11 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Ông Ngô Anh Phương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17/04/2020
• Bà Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Bà Ngô Thị Thanh Huyền	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Bà Ngô Phương Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Ông Tô Thanh Bình	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019

Ban Kiểm soát

• Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 17/04/2020
• Ông Trần Văn Quế	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Bà Nguyễn Thị Mai	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2023
• Bà Lý Thúy Lan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17/04/2020
		Miễn nhiệm ngày 18/04/2023

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/09/2019
• Ông Ngô Trọng Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Bà Đặng Thị Như	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
• Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2023



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 957/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ lập ngày 18/08/2023 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2023 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2023 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		117.025.141.983	121.145.761.820
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.507.830.518	13.865.659.468
1. Tiền	111	5	6.507.830.518	7.865.659.468
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		166.413.416	2.318.129.715
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	184.329.341	1.669.300.200
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(17.915.925)	(351.170.485)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		90.008.744.811	88.930.422.028
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	39.351.866.916	36.563.227.197
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	85.750.000	149.021.496
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	57.300.000.000	59.700.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	1.974.161.619	599.026.400
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(8.703.033.724)	(8.080.853.065)
IV. Hàng tồn kho	140	12	18.102.910.262	15.548.634.330
1. Hàng tồn kho	141		19.636.783.851	16.986.454.408
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.533.873.589)	(1.437.820.078)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		239.242.976	482.916.279
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	238.211.960	482.916.279
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.031.016	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.094.723.506	28.322.314.188
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		62.900.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	62.900.000	-
II. Tài sản cố định	220		683.761.231	187.390.513
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	683.761.231	187.390.513
- Nguyên giá	222		6.726.720.755	6.120.341.664
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.042.959.524)	(5.932.951.151)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	-	-
- Nguyên giá	228		63.000.000	63.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.000.000)	(63.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.b	18.645.000.000	18.645.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		13.495.000.000	13.495.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.400.000.000	2.400.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.750.000.000	2.750.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.703.062.275	9.489.923.675
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	8.703.062.275	9.489.923.675
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		145.119.865.489	149.468.076.008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.825.172.387	22.835.547.170
I. Nợ ngắn hạn	310		22.779.172.387	22.789.547.170
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	9.154.720.362	15.528.657.850
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.000.579.772	770.827.222
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	728.044.068	1.290.515.638
4. Phải trả người lao động	314		4.860.972.211	3.228.547.157
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	6.584.003.011	1.568.506.225
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	152.100.904	129.440.667
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		298.752.059	273.052.411
II. Nợ dài hạn	330		46.000.000	46.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	46.000.000	46.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		122.294.693.102	126.632.528.838
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	122.294.693.102	126.632.528.838
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	669.277.482	669.277.482
3. Cổ phiếu quỹ	415	20	(2.116.606.556)	(2.116.606.556)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	14.132.164.715	14.077.139.891
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	7.415.017.461	11.807.878.021
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	20	3.172.057.149	3.172.057.149
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	20	4.242.960.312	8.635.820.872
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		145.119.865.489	149.468.076.008

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoa

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	38.105.609.407	60.262.346.561
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		76.257.180	57.657.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		38.029.352.227	60.204.689.561
4. Giá vốn hàng bán	11	22	28.144.860.568	46.649.343.646
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		9.884.491.659	13.555.345.915
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	4.653.669.230	2.955.605.206
7. Chi phí tài chính	22	24	(329.635.228)	54.267.696
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	-	43.961.269
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	6.521.048.343	7.361.100.014
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	3.384.409.567	3.153.127.895
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.962.338.207	5.942.455.516
11. Thu nhập khác	31		1.863.433	112.858.182
12. Chi phí khác	32		1.250	44.073.593
13. Lợi nhuận khác	40		1.862.183	68.784.589
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.964.200.390	6.011.240.105
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	721.240.078	1.182.022.739
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.242.960.312	4.829.217.366



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 03 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		6 tháng đầu	6 tháng đầu
	số	minh	năm 2023	năm 2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.964.200.390	6.011.240.105
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	14,15	110.008.373	140.507.132
- Các khoản dự phòng	03		384.979.610	3.648.284.800
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23	(4.234.082.064)	(2.955.605.206)
- Chi phí lãi vay	06		-	43.961.269
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		1.225.106.309	6.888.388.100
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.846.890.622)	(22.329.432.709)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.650.329.443)	(3.514.505.905)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể	11		340.878.517	14.995.465.307
lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)				
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.031.565.719	565.009.832
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		1.484.970.859	(38.357.450)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(43.961.269)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(1.098.293.543)	(165.733.238)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	31.500.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(84.350.000)	(102.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.597.342.204)	(3.714.527.332)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	14	(606.379.091)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		7.400.000.000	1.772.786.802
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10,23	2.916.538.228	2.054.051.459
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.710.159.137	3.826.838.261

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		6 tháng đầu	6 tháng đầu
	số	minh	năm 2023	năm 2022
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	3.663.686.115
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19,20	(8.470.645.883)	(8.466.309.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.470.645.883)	(4.802.623.285)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.357.828.950)	(4.690.312.356)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	13.865.659.468	7.663.522.675
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	8.507.830.518	2.973.210.319



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/05/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/02/2023.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2023, Công ty có 3 công ty con và 2 công ty liên kết đầu tư trực tiếp và gián tiếp, như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con				
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất điện	67,48%	67,48%
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Khánh An (i)	Áp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Sản xuất điện	70,00%	47,23%
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam (i)	Áp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Sản xuất điện	70,00%	47,23%
Các Công ty liên kết				
Công ty CP Phát hành Sách Giáo Dục	Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xuất bản và phát hành sách	21,82%	21,82%
Công ty CP Đại Dương Solar (ii)	Áp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Sản xuất điện	49,95%	33,70%

- (i) Là các công ty con mà Công ty kiểm soát gián tiếp thông qua quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Năng Lượng EBS Solar Việt Nam.
- (ii) Là công ty liên kết mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể một cách gián tiếp thông qua quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Năng Lượng EBS Solar Việt Nam.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 (bắt đầu từ 01/01/2023 và kết thúc vào ngày 30/06/2023).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 30/06/2023, Công ty có các công ty con. Theo các quy định hiện hành, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính giữa niên độ của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Người sử dụng Báo cáo nên đọc Báo cáo tài chính giữa niên độ của riêng Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2023 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mối quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Riêng dự phòng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tồn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty được phân bổ vào chi phí như sau:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.
- Chi phí bán hàng phân bổ dài hạn trong khoảng thời gian có hiệu lực của hợp đồng căn cứ vào số lượng thực tế in và tỷ lệ thầu quy định.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ phản ánh khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 5% đối với các bộ đồ dùng học tập; Các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo bổ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2023	01/01/2023
Tiền mặt	311.823.361	320.414.220
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.196.007.157	7.545.245.248
Cộng	6.507.830.518	7.865.659.468

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Các khoản đầu tư

a. Chứng khoán kinh doanh

STT	30/06/2023				01/01/2023				
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
	Cổ phiếu niêm yết (i)								
1	Công ty CP Chứng khoán VIX	16.000	145.971.891	175.350.000	-	200.000	1.630.942.750	1.300.000.000	330.942.750
2	Công ty CP Supe Phát và Hòa chất Lâm Thao	7.500	53.182.916	81.000.000	-	200.000	1.630.942.750	1.300.000.000	330.942.750
	Cổ phiếu chưa niêm yết (ii)								
1	Tổng Công ty Chân nuôi Việt Nam - CTCP	8.500	92.788.975	94.350.000	-	-	-	-	-
		1.250	38.357.450	20.441.525	1.250	38.357.450	18.129.715	18.129.715	20.227.735
		1.250	38.357.450	20.441.525	1.250	38.357.450	18.129.715	18.129.715	20.227.735
	Cộng	17.250	184.329.341	195.791.525	17.915.925	201.250	1.669.300.200	1.318.129.715	351.170.485

(i) Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Theo đó, đối với các chứng khoán hiện niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán thì giá trị trường là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(ii) Chứng khoán của Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP hiện đang giao dịch trên sàn Upcom. Theo đó, giá trị hợp lý của chứng khoán được xác định theo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2023				01/01/2023			
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào Công ty con								
- Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Đang hoạt động	67,48%	1.349.500	13.495.000.000	-	13.495.000.000	-	
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết								
- Công ty CP Phát hành Sách Giáo Dục	Đang hoạt động	21,82%	240.000	2.400.000.000	-	2.400.000.000	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
- Công ty CP DV XB Giáo dục Hà Nội	Đang hoạt động	3,00%	75.000	750.000.000	-	750.000.000	-	
- Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	Đang hoạt động	1,84%	200.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	
Cộng				18.645.000.000	-	18.645.000.000	-	

Báo cáo tài chính gần nhất của các Công ty này có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	12.318.149.207	18.935.635.147
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	396.227.337	1.081.364.837
Công ty CP Sách & TBTH Nghệ An	2.335.042.870	2.335.042.870
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	6.281.130.120	6.281.130.120
Các đối tượng khác	18.021.317.382	7.930.054.223
Cộng	39.351.866.916	36.563.227.197

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty CP Đại La	-	59.489.360
Các đối tượng khác	85.750.000	89.532.136
Cộng	85.750.000	149.021.496

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	57.300.000.000	59.700.000.000
Cộng	57.300.000.000	59.700.000.000

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	424.380.822	-	456.336.986	-
Tạm ứng	200.280.797	-	142.689.414	-
Phải thu tiền cổ tức được chia	1.349.500.000	-	-	-
Cộng	1.974.161.619	-	599.026.400	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	62.900.000	-	-	-
Cộng	62.900.000	-	-	-

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2023	01/01/2023
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	8.703.033.724	8.080.853.065
- Từ 3 năm trở lên	7.944.720.182	7.944.720.182
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	33.660.000	-
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	724.653.542	136.132.883
Cộng	8.703.033.724	8.080.853.065

Trong đó: Nợ xấu

	30/06/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn
Phải thu khách hàng	7.944.720.182	-	
- DNTN Sách và VPP cuộc sống mới	751.214.823	-	Trên 3 năm
- Vụ Mầm non	125.697.600	-	Trên 3 năm
- Công Ty TNHH Dịch Vụ Sách Nam An	6.281.130.120	-	Trên 3 năm
- Công ty CP Sách & TBTH Hà Giang	481.299.250	-	Trên 3 năm
- Các đối tượng khác	305.378.389	-	Trên 3 năm
Cộng	7.944.720.182	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	73.243.127	-	48.482.742	-
Chi phí SX, KD dở dang	6.826.299.674	-	7.946.539.220	-
Thành phẩm	10.698.019.915	1.284.675.811	7.557.350.131	1.175.306.470
Hàng hóa	2.039.221.135	249.197.778	1.434.082.315	262.513.608
Cộng	19.636.783.851	1.533.873.589	16.986.454.408	1.437.820.078

Không có hàng tồn kho dùng cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả vào ngày 30/06/2023.

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2023 là 3.095.401.341 đồng.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Chi phí thuê kho Đại La	122.914.000	122.914.000
Phí bản thảo chế bản, quản lý xuất bản	115.297.960	5.777.778
Thuế GTGT chờ kết chuyển	-	354.224.501
Cộng	238.211.960	482.916.279

b. Dài hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Thuê dài hạn VP lô số D-2.1 dự án khu VP và nhà ở cao cấp Vinaconex (*)	8.703.062.275	8.828.889.679
Chi phí tổ chức bản thảo	-	661.033.996
Cộng	8.703.062.275	9.489.923.675

(*) Thuê dài hạn văn phòng theo Hợp đồng số 000997/2014/HĐTVP/VC1 ngày 17/09/2014 giữa Công ty và Công ty CP Xây dựng số 1 (Vinaconex 1). Thời hạn thuê là 44 năm bắt đầu từ ngày 15/10/2014. Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền thuê với tổng số tiền đã thanh toán là 11.962.650.000 đồng (bao gồm 10% thuế GTGT) vào năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	187.869.455	3.607.547.081	2.324.925.128	6.120.341.664
Mua sắm trong kỳ	-	606.379.091	-	606.379.091
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	187.869.455	4.213.926.172	2.324.925.128	6.726.720.755
Khấu hao				
Số đầu kỳ	175.925.776	3.454.281.135	2.302.744.240	5.932.951.151
Khấu hao trong kỳ	11.943.679	80.191.930	17.872.764	110.008.373
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	187.869.455	3.534.473.065	2.320.617.004	6.042.959.524
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	11.943.679	153.265.946	22.180.888	187.390.513
Số cuối kỳ	-	679.453.107	4.308.124	683.761.231

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 5.855.128.937 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình nào hiện đang cầm cố để đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2023.

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	63.000.000	63.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	63.000.000	63.000.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	63.000.000	63.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	63.000.000	63.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 63.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.897.786.137	5.018.959.237
Xí nghiệp Bản đồ 1 - CN Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ	1.036.503.467	360.840.428
Công ty CP Sản xuất và Thương mại P.P	1.967.209.343	4.782.030.763
Các đối tượng khác	4.253.221.415	5.366.827.422
Cộng	9.154.720.362	15.528.657.850

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	29.024.745	4.371.477	33.396.222	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.098.293.543	721.240.078	1.098.293.543	-	721.240.078
Thuế thu nhập cá nhân	-	163.197.350	397.958.754	554.352.114	-	6.803.990
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí và lệ phí	-	-	8.970.000	8.970.000	-	-
Cộng	-	1.290.515.638	1.135.540.309	1.698.011.879	-	728.044.068

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Trích trước hoa hồng môi giới	1.289.284.147	1.559.344.465
Trích trước phí bản thảo chế bản	2.663.924.284	-
Trích trước nhuận bút và quyền tác giả	2.630.794.580	-
Các khoản trích trước khác	-	9.161.760
Cộng	6.584.003.011	1.568.506.225

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn	96.170.879	73.134.917
Cổ tức phải trả	25.094.707	24.994.190
Phải trả khác	30.835.318	31.311.560
Cộng	152.100.904	129.440.667

b. Dài hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Tiền ký cược của các Nhà sách	46.000.000	46.000.000
Cộng	46.000.000	46.000.000

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2022	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	13.959.679.170	11.995.185.710
Tăng trong năm	-	-	-	117.460.721	8.635.820.872
Giảm trong năm	-	-	-	-	8.823.128.561
Số dư tại 31/12/2022	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	14.077.139.891	11.807.878.021
Số dư tại 01/01/2023	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	14.077.139.891	11.807.878.021
Tăng trong kỳ	-	-	-	55.024.824	4.242.960.312
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	8.635.820.872
Số dư tại 30/06/2023	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	14.132.164.715	7.415.017.461

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	25.911.000.000	25.911.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	73.744.840.000	73.744.840.000
Cổ phiếu quỹ	2.539.000.000	2.539.000.000
Cộng	102.194.840.000	102.194.840.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu phổ thông	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	253.900	253.900
- Cổ phiếu phổ thông	253.900	253.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.965.584	9.965.584
- Cổ phiếu phổ thông	9.965.584	9.965.584
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	11.807.878.021	11.995.185.710
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	4.242.960.312	8.635.820.872
Phân phối lợi nhuận	8.635.820.872	8.823.128.561
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	8.635.820.872	8.823.128.561
- Trả cổ tức cho các cổ đông	8.470.746.400	8.470.746.400
- Quỹ đầu tư phát triển	55.024.824	117.460.721
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng BĐH	110.049.648	234.921.440
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	7.415.017.461	11.807.878.021

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/SGDHN ngày 18/04/2023.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông ngày 18/04/2023 đã thông qua tỷ lệ cổ tức năm 2022 là 8,5%. Công ty đã chi trả số cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Doanh thu sách tham khảo	38.065.278.424	60.255.032.275
Doanh thu thiết bị giáo dục	-	7.314.286
Doanh thu bán vật tư	40.330.983	-
Cộng	38.105.609.407	60.262.346.561

22. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Giá vốn sách tham khảo	28.007.589.757	42.547.604.751
Giá vốn thiết bị giáo dục	-	6.445.714
Giá vốn bán vật tư	41.217.300	-
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	96.053.511	4.095.293.181
Cộng	28.144.860.568	46.649.343.646

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.794.582.064	2.712.605.206
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.439.500.000	243.000.000
Lãi do mua bán chứng khoán	419.587.166	-
Cộng	4.653.669.230	2.955.605.206

24. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chi phí lãi vay	-	43.961.269
Chi phí mua bán chứng khoán	3.619.332	531.763
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(333.254.560)	9.774.664
Cộng	(329.635.228)	54.267.696

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chi phí nhân viên bán hàng	4.380.436.784	4.522.707.985
Chi phí vận chuyển sách, bốc xếp	98.051.623	322.345.019
Chi phí thuê kho	374.559.770	204.545.454
Chi phí khác	1.668.000.166	2.311.501.556
Cộng	6.521.048.343	7.361.100.014

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chi phí nhân viên quản lý	1.566.500.939	2.586.653.228
Khấu hao TSCĐ	29.816.443	61.565.264
Chi phí khác	1.165.911.526	961.692.448
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	622.180.659	(456.783.045)
Cộng	3.384.409.567	3.153.127.895

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.964.200.390	6.011.240.105
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(1.358.000.000)	(101.126.407)
- Điều chỉnh tăng	81.500.000	141.873.593
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	81.500.000	97.800.000
+ Tiền phạt thuế, tiền phạt vi phạm hành chính	-	44.073.593
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	1.439.500.000	243.000.000
Tổng thu nhập tính thuế	3.606.200.390	5.910.113.698
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	721.240.078	1.182.022.739

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.063.161.240	11.441.185.433
Chi phí nhân công	5.946.937.723	7.109.361.213
Chi phí khấu hao tài sản cố định	110.008.373	140.507.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.376.407.486	28.482.680.033
Chi phí khác bằng tiền	2.583.489.036	3.105.934.902
Cộng	33.080.003.858	50.279.668.713

28. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, ít phát sinh các khoản vay; Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	9.154.720.362	-	9.154.720.362
Chi phí phải trả	6.584.003.011	-	6.584.003.011
Phải trả khác	55.930.025	46.000.000	101.930.025
Cộng	15.794.653.398	46.000.000	15.840.653.398

01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	15.528.657.850	-	15.528.657.850
Chi phí phải trả	1.568.506.225	-	1.568.506.225
Phải trả khác	56.305.750	46.000.000	102.305.750
Cộng	17.153.469.825	46.000.000	17.199.469.825

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.507.830.518	-	8.507.830.518
Đầu tư tài chính	166.413.416	2.750.000.000	2.916.413.416
Phải thu khách hàng	30.648.833.192	-	30.648.833.192
Phải thu về cho vay	57.300.000.000	-	57.300.000.000
Phải thu khác	1.773.880.822	62.900.000	1.836.780.822
Cộng	98.396.957.948	2.812.900.000	101.209.857.948

01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.865.659.468	-	13.865.659.468
Đầu tư tài chính	2.318.129.715	2.750.000.000	5.068.129.715
Phải thu khách hàng	28.482.374.132	-	28.482.374.132
Phải thu về cho vay	59.700.000.000	-	59.700.000.000
Phải thu khác	456.336.986	-	456.336.986
Cộng	104.822.500.301	2.750.000.000	107.572.500.301

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Cùng thành viên HĐQT là Ông Tô Thanh Bình
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Công ty con
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư CMC	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Quản lý xuất bản	1.295.929.500	2.220.995.600
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Mua sách tham khảo	6.027.639.895	7.725.905.900
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Mua sách tham khảo	-	430.340.700
	Mua xe	650.000.000	-
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Tổ chức bản thảo	3.094.425.000	7.270.150.000
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Mua xe	-	178.000.000
Bán hàng			
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng sách	6.539.814.250	9.331.417.390
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	164.862.500	485.771.300
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Cung ứng sách	11.476.939.060	25.927.064.850
Giao dịch khác			
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Cho vay	-	-
	Thu tiền cho vay	2.400.000.000	1.772.786.802
	Lãi cho vay	2.618.654.795	2.708.638.946
	Mua xe	-	178.000.000
	Cổ tức	1.349.500.000	-
Công ty CP Đầu tư CMC	Cho vay	4.000.000.000	-
	Thu tiền cho vay	4.000.000.000	-
	Lãi cho vay	89.219.178	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Số dư với bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	Khoản mục	30/06/2023	01/01/2023
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	396.227.337	1.081.364.837
Công ty CP Phát hành Sách Giáo Dục	Phải thu khách hàng	12.318.149.207	18.935.635.147
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Phải trả người bán	-	1.200.541.750
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	682.169.500	6.240.000
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Phải trả người bán	111.195.000	102.195.000
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Phải thu về cho vay	57.300.000.000	59.700.000.000
	Phải thu khác (Lãi dự thu về cho vay)	424.380.822	456.336.986
	Phải thu khác (cổ tức)	1.349.500.000	-

d. Thu nhập của các thành viên chủ chốt

Bên liên quan	Chức danh	Thu nhập, thù lao	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	21.000.000	21.000.000
	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	60.659.950	74.635.337
Ông Ngô Anh Phương	Phó chủ tịch HĐQT	Thù lao	16.800.000	16.800.000
Bà Ngô Phương Anh	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
Bà Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
	Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	241.447.110	345.444.103
Ông Tô Thanh Bình	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
Bà Ngô Thị Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
Bà Đặng Thị Như	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	102.432.000	90.764.000
Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	Thù lao	9.000.000	9.000.000
Ông Trần Văn Quế	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	6.000.000	6.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	2.400.000	-
Bà Lý Thúy Lan	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	3.600.000	6.000.000
Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	175.445.685	228.447.078
	Thư ký	Thù lao	6.000.000	6.000.000

30. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoa